

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN ĐỒ SƠN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 27-5-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Duy Khoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Yên

Ông Trần Thế Sự

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa **số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021**, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn xin ly hôn ghi ngày 09-11-2020, ngày 20-11-2020, Bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30-5-2017. Chị và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4-2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T ham chơi, thường xuyên tụ tập rượu chè và sống vô tâm, không quan tâm

đến vợ con. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh T nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng nên chị đã ra ngoài ở một thời gian nhưng anh T cũng không liên lạc, không tìm chị về, đến khi chị về nhà thì anh T cũng không nói chuyện với chị. Mặc dù hiện nay vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng không còn gần gũi nhau, không quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 31-8-2017. Chị đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do đủ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn không hợp tác, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

*Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập thể hiện:* Quá trình chung sống, chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, không hòa hợp với nhau về lối sống, cách suy nghĩ; mặc dù gia đình đã phân tích, động viên, tìm nhiều biện pháp giúp chị T và anh T giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày một lớn dần.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30-5-2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết ly hôn anh T bỏ mặc, không có ý kiến, không có hành động để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T. Chị T, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 31-8-2017. Chị T trình bày sau khi ly hôn chị T sẽ rời khỏi gia đình chồng về quê sinh sống, gia đình bố mẹ đẻ của chị

có điều kiện khó khăn, chị chưa biết phải làm công việc gì có thu nhập. Hiện nay cháu H đang học mẫu giáo, sinh sống cùng với hai vợ chồng tại căn nhà do bố mẹ chồng chị xây dựng, anh T có công việc ổn định cùng với bố mẹ đẻ, mẹ đẻ của anh T cũng cam kết hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H nên cần giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung chị T không yêu cầu án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Nguyễn Văn T, cư trú tại: Tổ dân phố Đoài, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30-5-2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên chị T và anh T đã có thời gian sống ly thân rồi lại quay về chung sống cùng nhau nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Vì vậy, yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 31-8-2017. Chị T và anh T sinh sống cùng bố mẹ anh T, công việc hàng ngày là bán hàng chung với bố mẹ anh T. Sau khi ly hôn, chị T sẽ chuyển đi nơi khác sinh sống và chưa có công việc gì khác. Xét cháu H hiện đang sống ổn

định với anh T và ông bà nội, được anh T và ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo. Hiện tại, anh T có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Mẹ đẻ anh T cũng cam kết tạo điều kiện, giúp đỡ anh T trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc giao con chung cháu Nguyễn Khánh H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 31-8-2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0007168 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Duy Khoa**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mai Hương    Nguyễn Thị Hồng**

**Bùi Duy Khoa**